

Bản án số: 24/2024/DSST  
Ngày 27/6/2024  
V/v: Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Giáp Thị Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

Ông Nguyễn Tiến Chinh

**- Thư ký Tòa án:** Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2023/TLST-DS ngày 01/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-DS ngày 06/5/2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST-DS ngày 22/5/2024 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 05/TB-TA ngày 07/6/2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C1

Trụ sở: Số A, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Do ông Dương Công T - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C1 (Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc NHCS và văn bản ủy quyền số 282/QĐ-NHCS ngày 31/8/2023 của Giám đốc phòng giao dịch NHCSXH huyện C1).

Địa chỉ: Đường T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đinh Thị N, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Lã Văn C**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án thì nguyên đơn **Ngân hàng C1** do ông **Dương Công T** đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28/3/2017 **Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C1** giải ngân cho hộ gia đình do chị **Đinh Thị N** đứng tên trên sổ vay vốn, anh **Lã Văn C** là chồng chị **N** và là người ký ủy quyền để chị **N** đứng tên vay vốn. Thông tin khoản vay như sau: Tên chương trình vay: Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn; Mã món vay: 6600000709935352; Số tiền vay: 40.000.000 đồng; Hạn trả nợ cuối cùng: 08/4/2022; Lãi suất cho vay: 0,75%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Ngày 08/4/2022, chị **N** đã trả một phần nợ gốc là 3.763.035 đồng cho **NHCSXH**. Số tiền gốc còn lại **NHCSXH huyện C1** đã chuyển sang nợ quá hạn.

Chị **N** hiện nay đã đi khỏi địa phương, **NHCSXH huyện C1** đã tìm mọi cách liên hệ với chị **N** để yêu cầu chị **N** trả nợ nhưng không liên hệ được. **Phòng giao dịch NHCSXH huyện C1** đã phối hợp với **UBND xã B**, **Hội Phụ nữ xã B**, **Ban Q** và vay vốn làm việc với anh **C** để đôn đốc thu hồi nợ nhưng anh **C** không hợp tác để trả nợ. Để đảm bảo thu hồi vốn cho vay, **Ngân hàng C1** đề nghị Tòa án huyện Lục Nam giải quyết buộc chị **Đinh Thị N** và anh **Lã Văn C** trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 45.960.351 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi trả xong nợ (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/6/2024).

\* Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn là Ngân hàng đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn chị **Đinh Thị N** đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an tỉnh B** truy nã theo quyết định truy nã số 01/CSĐT-CSKT ngày 19/01/2022, trong vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra trên địa bàn **huyện L, tỉnh Bắc Giang**, theo quyết định khởi tố vụ án số 07/CSĐT-CSKT ngày 13/01/2022. Đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an tỉnh B** đang tổ chức truy bắt đối tượng **N** nhưng chưa có kết quả. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng chị **N** vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Lã Văn C** đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì. Chị **Đinh Thị N** và anh **Lã Văn C** không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của anh **Lã Văn C** là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không chính xác. Anh **C** là người ủy quyền cho chị **N** ký kết hợp đồng tín dụng với **Ngân hàng C1**, đồng thời trong đơn khởi kiện của **Ngân hàng C2** cũng thể hiện yêu cầu anh **C** và chị **N** cùng liên đới trả nợ. Do đó cần xác định anh **C** là bị đơn trong vụ án trên theo quy định tại khoản 3 Điều 68 BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều: 116, 117, 118, 119, 357, 463, 464, 465, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Các Điều: Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 150, khoản 1 và 3 Điều 228, 235, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng C1**. Buộc chị **Đinh Thị N** và anh **Lã Văn C** phải liên đới trả nợ **Ngân hàng C1** số tiền: 45.960.351 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi ngàn, ba trăm năm mươi một đồng chẵn*). Trong đó: Tiền gốc 36.236.965 đồng, tiền lãi 9.723.386 đồng. Và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi chị **N**, anh **C** thanh toán hết nợ.

- Về án phí: Chị **Đinh Thị N** và anh **Lã Văn C** phải chịu 2.298.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng đề nghị chị **Đinh Thị N** và anh **Lã Văn C** phải trả số tiền đã vay. Do đó xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Đinh Thị N** là bị đơn có địa chỉ cư trú tại **huyện L, tỉnh Bắc Giang**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của chị **Đinh Thị N** và anh **Lã Văn C**: Căn cứ đơn khởi kiện ghi ngày 31/10/2023 của **Ngân hàng C1** và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, theo quy định tại khoản 3 Điều 68 BLTTDS, Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của chị **Đinh Thị N** là bị đơn; anh **Lã Văn C** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 BLTTDS là phù hợp quy định và không làm ảnh hưởng đến bản chất giải quyết vụ án.

[1.4] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Bị đơn chị **Đinh Thị N** và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh **Lã Văn C** vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã triệu tập nhiều lần, nhưng chị **N**, anh **C** không đến Tòa án làm việc, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Chị **N** và anh **C** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng. Nhưng chị **N** và anh **C** đi khỏi địa phương mà không báo cho Ngân hàng biết. Do đó cần xác định chị **N** và anh **C** cố tình giấu địa chỉ, không cho Ngân hàng biết, nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương và nơi chị **N**, anh **C** cư trú là đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ và đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị **N** và anh **C**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng:

Do có nhu cầu vay vốn để phát triển chăn nuôi, ngày 28/3/2017 Ngân hàng và hộ gia đình do chị **N** đứng tên trên sổ vay vốn (anh **C** ủy quyền cho chị **N**), có thỏa thuận giao kết hợp đồng tín dụng. Trong đó Ngân hàng là bên cho vay, còn chị **N** là bên vay; tài sản cho vay là tiền Việt Nam đồng; mục đích vay: Để phát triển kinh tế gia đình (Chăn nuôi bò sinh sản); thời hạn vay 60 tháng và

lãi suất được các bên thoả thuận 0,75%/tháng; lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho chị **N** vay số tiền 40.000.000 đồng theo hợp đồng nói trên; chị **N** đã nhận đủ tiền. Tại Hợp đồng có quy định: Bên vay phải trả nợ gốc, lãi tiền vay theo quy định. Ngày 08/4/2022, chị **N** đã trả một phần nợ gốc là 3.763.035 đồng cho NHCSXH.

Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ chị **N** đã không thực hiện đúng quy định của hợp đồng như thoả thuận, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi. Do đó Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu chị **N** phải trả tiền gốc 36.236.965 đồng, tiền lãi 9.723.386 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

### [2.3] Về yêu cầu tính lãi:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Như vậy, Ngân hàng và chị **N** thoả thuận về mức lãi suất cho vay là 0,75%/tháng và lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi vay ghi trong hợp đồng là phù hợp quy định.

Do đó Ngân hàng yêu cầu chị **N** trả nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 5 Điều 466 của BLDS là đúng quy định; cụ thể: Tính đến ngày xét xử 27/6/2024, chị **N** còn nợ Ngân hàng là: 45.960.351 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi ngàn, ba trăm năm mươi một đồng chẵn*). Trong đó: tiền gốc 36.236.965 đồng, tiền lãi 9.723.386 đồng.

\* Đối với anh **Lã Văn C**, tại thời điểm chị **N** vay tiền, chị **N** và anh **C** là vợ chồng; anh **C** có ủy quyền cho chị **N** vay vốn, mục đích vay nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình. Nên anh **C** cũng phải có nghĩa vụ trả nợ chung cùng với chị **N**. Nên cần buộc chị **N** và anh **C** phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 45.960.351 đồng; Trong đó: Tiền gốc 36.236.965 đồng, tiền lãi 9.723.386 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị **N** và anh **C** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng.

### [2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS.

- Chị **N** và anh **C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.298.000 đồng (làm tròn số).

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều: 116, 117, 118, 119, 357, 463, 464, 465, 466 và 468 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Các Điều: Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 150, khoản 1 và 3 Điều 228, 235, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng CI**.

2. Buộc chị **Đinh Thị N** và anh **Lã Văn C** phải liên đới trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền là 45.960.351 đồng. (*Bốn mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi ngàn, ba trăm năm mươi một đồng chẵn*). Trong đó: Tiền gốc 36.236.965 đồng (*Ba mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi sáu ngàn, chín trăm sáu mươi lăm đồng*), tiền lãi 9.723.386 đồng (*Chín triệu, bảy trăm hai mươi ba ngàn, ba trăm tám mươi sáu đồng*).

Về lãi suất sau khi xét xử: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị **Đinh Thị N** và anh **Lã Văn C** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng mã món vay 6600000709935352 ngày 28/3/2017.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị **Đinh Thị N** và anh **Lã Văn C** phải chịu 2.298.000 đồng (*Hai triệu, hai trăm chín mươi tám ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Nơi nhận:*
- VKSND huyện Lục Nam;
  - Chi cục THADS huyện Lục Nam;
  - Các đương sự;
  - Lưu hồ sơ vụ án;
  - Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Giáp Thị Loan**